TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-05-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Lâm Sơn và bà Hồ Thị Thanh Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 20 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2026, về việc "tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh ngày 18/04/1996; căn cước công dân số: 087196002105, địa chỉ: số C, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số H, ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh ngày 26/03/1993; căn cước công dân số: 089093008570; địa chỉ: số C, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày: Bà B và ông Lê Trọng N tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, vợ chồng tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2015 cấp ngày 16/04/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến sau này thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết được, bà B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể cho nên đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên, bà B yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trọng N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia B1, sinh 19/05/2015 và Lê Minh K, sinh ngày 27/08/2018, các con hiện nay do ông N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà B đồng ý để ông N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Trọng N không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Bích khởi K1 vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Lê Trọng N. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn xã L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Phạm Thị B có văn bản xin vắng mặt, ông Lê Trọng N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị B và ông Lê Trọng Nghĩa L hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 44/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang cấp ngày 16/04/2015. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày không tôn trọng nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết được, bà B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể cho nên đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng bà B xin ly hôn với ông N, bà B, ông N sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị B trình bày là vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia B1, sinh 19/05/2015 và Lê Minh K, sinh ngày 27/08/2018, các con hiện nay do ông N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà B đồng ý để ông N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà B không tranh chấp việc nuôi con. Xét thấy, các con hiện nay do ông N đang nuôi dưỡng, bà B không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao Lê Gia B1, sinh 19/05/2015 và Lê Minh K, sinh ngày 27/08/2018, cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích khởi K1 xác định không có nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích khởi K1 xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích P chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích .

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích ly H với ông Lê Trọng N.

2) Về con chung: Ông Lê Trọng N được tiếp tục nuôi con chung là: Lê Gia B1, sinh 19/05/2015 và Lê Minh K, sinh ngày 27/08/2018.

Ông Lê Trọng N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Phạm Thị Bích T việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích khởi K1 xác định không có nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích khởi K1 xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Phạm Thị Bích P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 303617 ngày 20/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị B đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã L, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng